TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ PHỦ LÝ** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2020/HNGĐ-ST.
Ngày 02 - 11 - 2020.
V/v tranh chấp: *"Kiện xin ly hôn, nuôi con chung".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Xuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chương và ông Lê Chí Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Ngân - Là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 96/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc "Kiện xin ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Chị Phạm Thanh H, sinh năm 1992.

Nơi ĐKNKTT: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Tổ dân phố LX, phường YB, thị xã DT, tỉnh Hà Nam.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Duy T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên toà có mặt chị H, vắng mặt anh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, biên bản tự khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Phạm Thanh H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Duy T kết hôn vào ngày 23/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Lam Hạ (nay là phường Lam Hạ), thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan tâm đến vợ con, thường đi chơi bời qua đêm, cờ bạc, vì vậy vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi cọ, xô sát xúc phạm nhau nặng nề. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng từ tháng 4 năm 2019, nhưng đến tháng 4 năm 2020 vợ chồng mới sống ly thân và không quan tâm đến nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 09/4/2011; cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/02/2016. Khi vợ chồng ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngọc N và để anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Duy H1. Chị không yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, hiện chị H không có thai nghén gì.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn anh Nguyễn Duy T trình bày:

- Về hôn nhân: Ngày, tháng, địa điểm, điều kiện kết hôn anh T có lời khai phù hợp với lời khai của chị H. Theo anh T sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì lớn, đôi khi cũng có xảy ra cãi cọ nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ mà gia đình nào cũng có. Vào khoảng tháng 4 năm 2020 vợ chồng xảy ra cãi cọ, xô sát, chị H đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh T xác định không còn tình cảm dành cho chị H, vì vậy chị H xin ly hôn anh T cũng nhất trí.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H đã khai. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cả hai con chung là cháu Ngọc N và cháu Duy H1, anh T không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, Tòa án yêu cầu anh T xuất trình tài liệu chứng cứ chứng minh về tài sản chung và công nợ chung để Tòa án có căn cứ giải quyết, nhưng anh T không xuất trình, không nộp tài liệu gì liên quan đến tài sản, công nợ.

* Nguyện vọng của cháu Nguyễn Duy H1: Nếu bố mẹ ly hôn, cháu muốn được ở với mẹ, do mẹ chăm sóc.

Tại phiên toà sơ thẩm hôm nay:

Chị H vẫn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về phần con chung chị H giữ nguyên quan điểm xin được nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, giao cháu Nguyễn Duy H1 cho anh T nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản, công nợ không đề nghị giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 28; 35; 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định của pháp luật, tuân thủ đúng thời hạn chuẩn bị xét xử, việc gửi các quyết định cho Viện Kiểm sát đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Các Điều 28; 35; 39; 68; 144; 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015 của Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thanh H.

Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Duy T.

Về con chung: Giao chị H trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/02/2016; giao anh T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 09/4/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Hai bên không phải đóng góp tiền nuôi con chung cho nhau.

Về án phí ly hôn: Chị H, anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

* Về thẩm quyền:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Duy T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại: Tổ dân phố Đ.A, phường LH, thành phố PL, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án tranh chấp ly hôn, nuôi con chung giữa chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Duy T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

* Về nội dung:

[2] Về hôn nhân: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã LH (nay là phường LH), thành phố PL, tỉnh Hà Nam ngày 23 tháng 7 năm 2010 đảm bảo trình tự, thủ tục kết hôn được Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thanh H, Hội đồng xét xử thấy: Cuộc hôn nhân giữa chị H và anh T được xây dựng trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn anh chị sống với nhau một thời gian ngắn đã nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, anh T sao nhãng việc gia đình, không quan tâm đến vợ con. Quá trình giải quyết vụ án chị H, anh T đều xác định từ lâu cuộc sống vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, cãi cọ nhau. Từ tháng 4 năm 2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến nay, cả hai đều nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Phạm Thanh H có đơn xin ly hôn, anh Nguyễn Duy T cũng nhất trí. Do vậy cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Duy T là phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Vợ chồng thống nhất có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy H1 và cháu Nguyễn Ngọc N. Khi vợ chồng ly hôn chị H có nguyện vọng được nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngọc N. Anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai con chung. Xét thấy nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc con chung của chị H và anh T là hoàn toàn chính đáng, tuy nhiên cả chị H và anh T đều có đủ điều kiện để nuôi dưỡng và chăm sóc con chung, vì vậy cần giao cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/02/2016 cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 09/4/2011 cho anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được là phù hợp pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Cả chị H và anh T đều có khả năng lao động và có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, chị H và anh T mỗi người nuôi dưỡng một con chung. Do vậy, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào là phù hợp với thực tế và pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị H không đề nghị Tòa án giải quyết, anh T đề nghị Tòa án giải quyết nhưng không nộp các tài liệu, chứng cứ liên quan đến tài sản và công nợ, nên không có căn cứ để giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện đề nghị giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5] Về án phí ly hôn: Chị H, anh T phải nộp theo quy định pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68; Điều 143; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 51; 54; 55; 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội.

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thanh H và anh Nguyễn Duy T.

2/ Về con chung: Giao chị Nguyễn Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Ngọc N, sinh ngày 26/02/2016; giao anh Nguyễn Duy T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nguyễn Duy H1, sinh ngày 09/4/2011 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành tự lập được. Hai bên không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh T mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị H được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2015/0004527 ngày 16/6/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý. Chị H được nhận lại 150.000đ.

Quyền kháng cáo: Chị Phạm Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Duy T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7; 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THA dân sự TP Phủ Lý;
- UBND phường LH, TP Phủ Lý, tỉnh Nam;
- Các đương sự;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

- Lưu hồ sơ.

Nguyễn Thị Xuyên